Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

TT	Nội dung yêu cầu	Mức độ đáp ứng	
1	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật đối với vật tư, thiết bị		
a	Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa; tiêu chuẩn sản xuất, chế tạo; Nhãn hiệu và nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa	Có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, hoàn toàn phù hợp đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu đối với các hàng hóa có yêu cầu các tiêu chuẩn được quy định tại Mục 1, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. Hàng hóa do nhà thầu chào phải nêu rõ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ, năm sản xuất	**Đạt**
		Không có đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa phù hợp, đáp ứng yêu cầucủa E-HSMT, không cung cấp đủ các tiêu chuẩn, được quy định tại Mục 1, Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.Hàng hóa do nhà thầu chào không nêu rõ ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm (nếu có), tên nhà sản xuất, nguồn gốc xuất xứ	**Không đạt**
b	Tài liệu chứng minh quy định tại Mục E-CDNT 10.8 – Chương II: Bảng dữ liệu đấu thầu	Có tài liệu chứng minh quy định tại Mục E- CDNT 10.8 – Chương II: Bảng dữ liệu đấu thầu.	**Đạt**
		Không có tài liệu chứng minh theo quy định tại Mục E-CDNT 10.8 – Chương II: Bảng dữ liệu đấu thầu	**Không đạt**
2	**Tiêu chuẩn chất lượng của hàng hoá**		
a	Tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ của hàng hoá trong trường hợp là hàng nhập khẩu	Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng (CQ) trong trường hợp hàng là hàng nhập khẩu khi giao hàng.	**Đạt**
		Không có cam kết xuất trình chứng nhận CO, CQ trong trường hợp là hàng nhập khẩu khi giao hàng	**Không Đạt**
b	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, + quy chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất	+ Cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh thông số kỹ thuật đáp ứng theo yêu cầu dối với các hàng hóa có yêu cầu các tiêu chuẩn; ISO hệ thống Quản lý An toàn thông tin đối với nhà sản xuất hãng sản xuất hàng hóa được quy định tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật. + Đối với trường hợp hàng hóa, thiết bị không phải do nhà thầu sản xuất, nhà	**Đạt**

		thầu tham dự cung cấp hợp đồng nguyên tắc (hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương) cung cấp hàng hóa, thiết bị với đơn vị cung cấp, liệt kê đầy đủ tính năng, thông số kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của HSMT tại Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật	
		Không cung cấp tài liệu theo yêu cầu trên	**Không Đạt**
3	**Khả năng cung cấp hàng hóa cho gói thầu và đảm bảo vệ sinh môi trường, ATLĐ trong thi công**		
a	Khả năng cung cấp hàng hóa cho gói thầu	Có hợp đồng nguyên tắc hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác của hãng sản xuất hàng hóa, cung cấp hàng hóa, thiết bị cung cấp cho gói thầu. Có xác nhận thông số của thiết bị cung cấp và có cam kết không có các phần mềm nguy hại ảnh hưởng trong qua trình sử dụng. Hoặc nếu hàng hóa, thiết bị do nhà thầu tự sản xuất thì nhà thầu phải có tài liệu chứng minh gồm: Hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung ứng nguyên vật liệu (kèm theo chứng nhận, xuất xứ của nhà sản xuất), hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng	**Đạt**
		Không có hợp đồng nguyên tắc cung cấp hoặc các tài liệu có tính pháp lý tương đương khác của hãng sản xuất hàng hóa, thiết bị chính cung cấp cho gói thầu. Không có xác nhận thông số của thiết bị cung cấp và không có cam kết không có các phần mềm nguy hại ảnh hưởng trong qua trình sử dụng. Đối với hàng hóa tự sản xuất được không có tài liệu chứng minh.	**Không đạt**
b	Đảm bảo vệ sinh môi trường, ATLĐ trong thi công	Có thuyết minh và cam kết Đảm bảo vệ sinh môi trường, ATLĐ trong thi công	**Đạt**
		Không Có thuyết minh và cam kết Đảm bảo vệ sinh môi trường, ATLĐ trong thi công	**Không đạt**
4	**Tiến độ cung cấp hàng hóa**		
	Có bảng tiến độ và Cam kết tiến độ cung cấp hàng hóa với thời gian $\leq$ 30 ngày (có tính đến điều kiện thời tiết)		**Đạt**
	Không bảng tiến độ hoặc Cam kết tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có thời gian cung cấp > 30 ngày hoặc không tính đến điều kiện thời tiết		**Không đạt**

5	**Thời gian bảo hành và bảo trì thiết bị**	
	- Có cam kết bảo hành ít nhất là 12 tháng, có thể tra cứu bảo hành trực tuyến bằng mã QR tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng: - Xem thông tin bảo hành, lịch sử bảo hành, khuyến mại bảo hành - Xem thông số kỹ thuật của sản phẩm - Cho phép gia hạn bảo hành, khiếu nại bảo hành thông qua văn bản và đính kèm hình ảnh - Xử lý, giải đáp bảo hành online 24/7 - Đối với các thiết bị, hàng hóa có thời gian bảo hành >24 tháng theo nhà sản xuất thì cam kết thời gian bảo hành theo nhà sản xuất; - Có cam kết bảo trì và cung cấp vật tư sau bảo hành ít nhất là 02 năm sau khi thực hiện hợp đồng. Nhà thầu phải có cơ sở bảo hành, bảo trì (bao gồm địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì) cho các thiết bị của gói thầu. - Có cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lắp đặt.	**Đạt**
	- Không có cam kết bảo hành hoặc điều kiện bảo hành không đáp ứng các nội dung nêu trên. - Hoặc Không cam kết thời gian bảo hành theo nhà sản xuất, Đối với các thiết bị, hàng hóa có thời gian bảo hành >24 tháng theo nhà sản xuất; - Hoặc Không có cam kết bảo trì và cung cấp vật tư sau bảo hành hoặc thời gian bảo trì ít hơn 02 năm sau khi thực hiện hợp đồng. Nhà thầu không có cơ sở bảo hành, bảo trì (bao gồm địa chỉ, số điện thoại và phương án triển khai bảo hành, bảo trì) cho các thiết bị của gói thầu. - Hoặc Không có cam kết đảm bảo chất lượng hàng hoá trong quá trình vận chuyển và lắp đặt.	**Không đạt**
6	**Uy tín của nhà thầu**	
	Nhà thầu không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và không có các hành vi gian lận, khê khai không trung thực trong quá trình tham gia dự thầu các gói thầu mà bị chủ đầu tư hoặc các đơn vị liên quan kết luận.	**Đạt**
	Nhà thầu có hợp đồng tương tự chậm tiến độ hoặc bỏ dở do lỗi của nhà thầu và có các hành vi gian lận, khê khai không trung thực trong quá trình tham gia dự thầu các gói thầu mà bị chủ đầu tư hoặc các đơn vị liên quan kết luận.	**Không đạt**
7	**Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của Hàng hóa khi chào thầu**	
	Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa: Hàng hóa ở đây là danh mục theo yêu cầu trong yêu cầu về Phạm vi cung cấp. - Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận xuất xứ (CO) và giấy chứng nhận chất lượng (CQ) của hàng hóa nhập khẩu. - Cung cấp đầy đủ Catatogue kỹ thuật hoặc tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất, thể hiện đầy đủ thông số kỹ thuật, phù hợp với bảng kê đáp ứng yêu cầu tại Mục 1.2, chương V, cam kết cung cấp tài liệu hướng dẫn sử dụng của hàng hóa cung cấp cho gói thầu	**Đạt**
	Nhà thầu không cung cấp một trong các tài liệu như trên.	**Không đạt**

Kết luận	**Có tất cả các tiêu chí được xác định là đạt**	**Đạt**
	Khi có một tiêu chí được xác định là không đạt	**Không đạt**

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

**Ghi chú: Nhà thầu phải chuẩn bị sẵn các tài liệu bản gốc để đối chiếu, xác minh tính xác thực của các tài liệu nộp trong E-HSDT, trong quá trình đánh giá E-HSDT nếu được Bên mời thầu yêu cầu.*

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

4. Phương pháp giá thấp nhất:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 28 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 29 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), sau ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.